

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THÔNG TƯ

Số 26/2010/TT-BGDĐT ngày 27/10/2010 ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ

(Tiếp theo Công báo số 630 + 631)

CHƯƠNG TRÌNH

GIÁO DỤC VĂN HÓA - XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2010/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục văn hóa - xã hội là một trong những chương trình giáo dục thường xuyên, đáp ứng yêu cầu của người học nhằm giúp người học cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng sống cần thiết về văn hóa - xã hội, góp phần nâng cao hiểu biết và giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong cuộc sống của bản thân, gia đình và góp phần phát triển cộng đồng bền vững.

1. Về kiến thức

Chương trình giáo dục văn hóa - xã hội nhằm cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản, thiết thực về các vấn đề văn hóa - xã hội của đất nước nói chung và của địa phương nói riêng như: lịch sử Việt Nam; địa lý Việt Nam; con người Việt Nam; văn hóa Việt Nam; xã hội; gia đình và trẻ em; giới và phát triển; kỹ năng sống.

2. Về kỹ năng

Chương trình giáo dục văn hóa - xã hội nhằm góp phần hình thành và phát triển cho người học một số kỹ năng cần thiết như nhận biết được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả và đề xuất được một số biện pháp để giải quyết các vấn đề trong xã hội, gia đình và cộng đồng; biết bảo vệ các di tích văn hóa, lịch sử, danh lam thắng cảnh của đất nước; biết bảo vệ truyền thống văn hóa Việt Nam nói chung và của địa phương

nói riêng; biết bảo vệ hạnh phúc gia đình, thực hiện trách nhiệm đảm bảo các quyền cơ bản của trẻ em; bảo vệ quyền lợi chính đáng của phụ nữ và bình đẳng giới; biết phòng chống các tệ nạn xã hội,...

Ngoài ra, Chương trình giáo dục văn hóa - xã hội góp phần hình thành và phát triển cho người học một số kỹ năng sống cơ bản (kỹ năng thu thập, xử lý thông tin; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng hợp tác; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, xung đột và kỹ năng đàm phán, thương lượng; kỹ năng kiên định, từ chối; kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ...), giúp người học rèn luyện, củng cố kỹ năng đọc, viết và tính toán.

3. Về thái độ

Chương trình giáo dục văn hóa - xã hội góp phần hình thành và phát triển cho người học:

- Tình yêu quê hương, đất nước.

- Lòng tự hào và thái độ trân trọng đối với lịch sử, các di tích văn hóa, lịch sử, các danh lam thắng cảnh, truyền thống văn hóa tốt đẹp của đất nước và địa phương, của các dân tộc của mỗi gia đình...

- Phản đối, tố cáo, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật như phá vỡ các cảnh quan thiên nhiên, các di tích lịch sử văn hóa, các tệ nạn xã hội (rượu chè, cờ bạc, mê tín, dị đoan, buôn bán người, nghiện hút ma túy, tệ nạn tảo hôn, bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em; lạm dụng và xâm hại tình dục trẻ em; lạm dụng lao động trẻ em,...).

- Ý thức tuyên truyền và vận động mọi người trong gia đình và cộng đồng về những điều đã được học.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

Chương trình giáo dục văn hóa - xã hội bao gồm 8 phần. Mỗi phần có những nội dung và mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
Phần 1. Lịch sử Việt Nam		
1. Khái quát sơ lược về quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được các thời kỳ lịch sử chủ yếu của Việt Nam. - Liệt kê được các sự kiện lịch sử và nhân vật lịch sử chủ yếu của đất nước. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hào về truyền thống lịch sử của đất nước. - Có ý thức tìm hiểu và tuyên truyền mọi người trong gia đình, cộng đồng tìm hiểu lịch sử phát triển của đất nước. 	
2. Các Vua Hùng trong sự nghiệp dựng nước	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được vai trò của các Vua Hùng trong sự nghiệp dựng nước. - Nêu lên được ý nghĩa của ngày giỗ tổ Hùng Vương. - Mô tả được vùng đất tổ cội nguồn của dân tộc Việt Nam. - Có ý thức và tuyên truyền mọi người trong gia đình, cộng đồng có ý thức về cội nguồn dân tộc, tưởng nhớ và biết ơn các Vua Hùng. - Thực hiện lời căn dặn của Bác Hồ: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. 	
3. Đảng Cộng sản Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của các cấp ủy Đảng ở địa phương. - Nêu được tư cách, phẩm chất đạo đức của người đảng viên. - Nêu được một số tấm gương về người đảng viên gương mẫu ở địa phương. - Tin tưởng và thực hiện tốt chủ trương, nghị quyết của Đảng. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tuyên truyền mọi người trong gia đình trong cộng đồng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và thực hiện tốt chủ trương, nghị quyết của Đảng. 	
4. Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. - Nêu được ý nghĩa của Ngày 2/9 - ngày Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. - Có ý thức bảo vệ và tuyên truyền cho cộng đồng về nền độc lập tự do của dân tộc. 	
5. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954)	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả khái quát cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1946 - 1954. - Trình bày được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ. - Có thái độ trân trọng đối với sự hy sinh của các chiến sĩ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Có ý thức tuyên truyền về ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của chiến thắng Điện Biên Phủ và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. 	
6. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 - 1975)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái quát cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. - Trình bày được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<p>cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được bản chất của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. - Trình bày được những hậu quả cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đặc biệt những hậu quả lâu dài (hậu quả đối với con người, môi trường và xã hội). - Có ý thức quan tâm tới các gia đình có công với cách mạng ở địa phương. 	
7. Chủ tịch Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. - Kể lại được một số câu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. - Hưởng ứng tích cực cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. - Tích cực tuyên truyền mọi người trong gia đình và cộng đồng học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. 	
8. Các di tích lịch sử, văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa của các di tích lịch sử, văn hóa. - Kể tên một số di tích lịch sử, văn hóa. - Kể tên một số di sản văn hóa được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. 	<p>Một số di tích lịch sử, văn hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành Cổ Loa; - Đền Hùng; - Cố đô Hoa Lư; - Văn Miếu - Quốc Tử Giám;

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thực trạng về việc giữ gìn, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa. - Có thái độ tự hào về truyền thống lịch sử văn hóa đất nước. - Có ý thức trách nhiệm và tuyên truyền cho mọi người trong gia đình, cộng đồng có ý thức trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn di tích lịch sử, văn hóa của đất nước và địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đền thờ Trần Hưng Đạo; - Cố đô Huế; - Khu di tích lịch sử - văn hóa Ba Đình,... - Dinh Độc Lập.
Phần 2. Địa lý Việt Nam		
9. Bản đồ Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ được vị trí địa lý của Việt Nam, khu vực Đông Nam Á trên bản đồ. - Kể được tên những nước giáp với biên giới đất liền của Việt Nam. - Chỉ và nêu được tên một số đảo, quần đảo của Việt Nam trên bản đồ. - Tìm được vị trí của địa phương mình trên bản đồ. - Kể được tên những tỉnh giáp với địa phương mình. - Biết sử dụng bản đồ và quả địa cầu. 	
10. Địa hình Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm chung về địa hình Việt Nam. - Liệt kê được tên các vùng miền ở Việt Nam và xác định được vị trí của các tỉnh trong vùng miền trên bản đồ địa hình. 	<p>7 vùng miền:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; vùng Đồng bằng sông Hồng; vùng Bắc Trung Bộ; vùng Duyên hải Nam Trung Bộ; vùng Tây

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được đặc điểm địa hình và xác định được vị trí, vai trò thuận lợi, khó khăn của địa phương. 	Nguyên - Vùng Đông Nam Bộ; vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
11. Sông ngòi, vùng biển của Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm chung về sông ngòi và vùng biển của Việt Nam. - Liệt kê được tên các sông lớn ở Việt Nam và vai trò của chúng. - Xác định vị trí các con sông lớn trên bản đồ Sông ngòi Việt Nam. - Phân tích những thuận lợi và khó khăn của sông ngòi Việt Nam và liên hệ đặc điểm sông ngòi của địa phương. - Nêu lên được vị trí, vai trò của vùng biển Việt Nam. 	
12. Khí hậu Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm chung về khí hậu Việt Nam. - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn về khí hậu Việt Nam. - Trình bày được đặc trưng khí hậu từng mùa của Việt Nam và những thuận lợi, khó khăn của từng mùa. - Nêu đặc điểm, thuận lợi, khó khăn của khí hậu địa phương. 	
13. Tài nguyên Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được các nguồn tài nguyên của Việt Nam và ở địa phương. 	Nêu những đặc điểm chủ yếu của các nguồn tài nguyên: - Đất;

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được thực trạng sử dụng và khai thác các nguồn tài nguyên hiện nay ở quốc gia và ở địa phương. - Xác định được nguyên nhân và các giải pháp ngăn chặn tình trạng sử dụng, khai thác tài nguyên bừa bãi. - Ý thức được và tuyên truyền mọi người trong gia đình, cộng đồng có ý thức việc sử dụng tiết kiệm và khai thác có kế hoạch đồng thời bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên của quốc gia và địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nước; - Rừng; - Biển; - Khoáng sản.
14. Thủ đô Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí của thủ đô Hà Nội trên bản đồ hành chính Việt Nam. - Nêu lên được Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học của cả nước. - Nêu lên được năm Hà Nội được UNESCO công nhận là Thành phố hòa bình. - Nêu lên được truyền thống ngàn năm văn hiến và những nét đẹp văn hóa của người Hà Nội. - Kể được tên một số di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh của Hà Nội. 	<p>Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Quảng trường Ba Đình, Lăng Bác, Bắc Bộ Phủ, Gò Đống Đa, Thành Cổ Hà Nội, chùa Hương, chùa Thầy, Đường Lâm Ba Vì,...</p>

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
15. Các dân tộc Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được số lượng các dân tộc Việt Nam và kể ra được tên của một số dân tộc. - Nêu lên được đặc điểm cơ bản của đại gia đình các dân tộc Việt Nam. - Nêu lên được chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. - Nhận biết được bản sắc, truyền thống văn hóa, ngôn ngữ của từng dân tộc; có ý thức tôn trọng và bảo vệ. - Có ý thức đoàn kết dân tộc và tôn trọng bản sắc văn hóa của nhau, duy trì và phát triển bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc. - Có ý thức tuyên truyền về sự đoàn kết, tôn trọng, sự đa dạng văn hóa trong cộng đồng. 	<p>Sống xen kẽ, đoàn kết, tôn trọng bản sắc văn hóa của nhau;...</p> <p>Lễ hội, lễ cưới, phong tục tập quán,...</p>
16. Danh lam thắng cảnh ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên, địa điểm của một số danh lam thắng cảnh nổi tiếng ở Việt Nam và ở địa phương (khu dự trữ sinh quyển, bờ biển, thác nước...) - Nêu lên được ý nghĩa của các danh lam thắng cảnh ở Việt Nam. - Nêu lên được các di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận. - Nêu thực trạng và việc giữ gìn, bảo vệ danh lam thắng cảnh của quốc gia và địa phương. - Có thái độ yêu mến, tự hào về cảnh đẹp của quê hương, đất nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh); - Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng (Quảng Bình); - Đỉnh Phan Si Păng (Lào Cai); <p>Vịnh Hạ Long, động Phong Nha,...</p>

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được kế hoạch hành động giữ gìn, bảo vệ danh lam thắng cảnh ở địa phương. - Có ý thức và tuyên truyền mọi người trong gia đình, cộng đồng có ý thức giữ gìn, bảo vệ danh lam thắng cảnh của quốc gia và địa phương. 	
17. Hội nhập - Cơ hội và thách thức	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tình hình hội nhập của Việt Nam với thế giới và khu vực (tổ chức Liên Hợp Quốc, Cộng đồng Pháp ngữ, ASEAN, APEC, WTO, AFTA,...) - Nêu được cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế. - Biết tận dụng cơ hội do quá trình hội nhập tạo ra. - Có kế hoạch hành động cụ thể để vượt qua thách thức. - Tuyên truyền cho mọi người trong gia đình, cộng đồng về những cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập 	<p>Tập trung phân tích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác và cạnh tranh; - Hội nhập và bản sắc văn hóa dân tộc; - Hội nhập và nguy cơ thất nghiệp.
Phần 3. Con người Việt Nam		
18. Truyền thống của người Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được một số truyền thống của người Việt Nam và nêu lên được một số ví dụ minh họa. - Có ý thức tự hào và biết phát huy và giữ gìn những truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình, cộng đồng về những truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm. - Truyền thống tương thân tương ái. - Truyền thống lao động cần cù. - Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo.

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
19. Truyền thống của các giai cấp, lực lượng, tổ chức trong xã hội hiện nay	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được vai trò, đặc điểm của các giai cấp, lực lượng, tổ chức trong xã hội. - Nêu lên được truyền thống của các giai cấp, lực lượng, tổ chức trong xã hội. - Kể được một số tấm gương tiêu biểu của các giai cấp, lực lượng, tổ chức ở địa phương. 	<p>Giai cấp, lực lượng trong xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nhân, nông dân, trí thức - Quân đội, Cựu chiến binh, Phụ nữ, Thanh niên, Người cao tuổi;...
20. Hạn chế của người Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được những hạn chế của người Việt Nam. - Nêu được một số biện pháp để khắc phục dần những hạn chế đó. - Liên hệ thực tế những hạn chế của người dân ở địa phương. - Có thái độ phê phán đối với những hạn chế của người Việt Nam. - Xác định được các biện pháp để khắc phục dần những hạn chế. 	<p>Hạn chế: Tính cục bộ, địa phương, tâm lý bình quân chủ nghĩa gắn với thái độ “cào bằng”, ghen ghét, đố kỵ, tác phong tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, lối làm ăn nhỏ, manh mún, không biết lo xa và hạch toán kinh tế, chưa tôn trọng con người cá nhân chủ thể, tư duy phân tích, thực nghiệm và luận lý hạn chế.</p>
21. Phong tục, tập quán của người Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên một số phong tục, tập quán chủ yếu của người Việt Nam nói chung và của địa phương nói riêng. - Nêu được nét đẹp của phong tục, tập quán người Việt Nam nói chung và của địa phương nói riêng. - Nhận biết và có thái độ phê phán, bài trừ các phong tục, tập quán cổ hủ, lạc hậu và những kiêng kỵ không đúng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phong tục: giỗ tết, tế lễ, cưới hỏi, tang lễ, sinh dưỡng, giao thiệp, đạo hiếu,... - Kiêng trong ngày đầu năm, đầu tháng, ma chay, cưới xin, cúng giỗ, học hành, chữa bệnh, xuất hành, buôn bán, chăn nuôi, trồng trọt, ăn uống, làm nhà dựng cửa;...

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức bảo tồn và phát huy các phong tục, tập quán tốt đẹp. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình, cộng đồng về những kiêng kỵ không đúng, phản khoa học hiện nay ở địa phương. 	
22. Gia đình, gia tộc ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được vai trò của gia đình, gia tộc trong xã hội Việt Nam. - Nêu lên được vai trò của trưởng họ, ý nghĩa của nhà thờ họ, gia phả, giỗ họ trong văn hóa gia đình Việt Nam. - Nêu lên được truyền thống tốt đẹp của gia đình, họ tộc Việt Nam. Ý thức về cội nguồn của mình. - Tự hào và duy trì, bảo vệ truyền thống tốt đẹp của gia đình, họ tộc Việt Nam. - Tuyên truyền cho mọi người có ý thức về cội nguồn, biết ơn tổ tiên và bảo vệ truyền thống của gia tộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học.
23. Văn hóa giao tiếp ứng xử của người Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được đặc điểm giao tiếp của người Việt Nam. - Nêu được ưu điểm và hạn chế trong giao tiếp của người Việt Nam. - Liên hệ văn hóa ứng xử hiện nay trong gia đình, cộng đồng. - Tôn trọng, giữ gìn và phát huy nét đẹp trong văn hóa giao tiếp. 	<p>Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thích giao tiếp (thăm nhau, hiếu khách); - Thiên về tình cảm (trăm cái lý không bằng tỳ cái tình); - Thích tìm hiểu nguồn gốc, gia đình; - Trọng danh dự;

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức khắc phục những hạn chế trong văn hóa giao tiếp ứng xử của người Việt Nam. - Suu tầm được một số câu ca dao, tục ngữ về văn hóa ứng xử của người Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ưu sự tế nhị, ý tứ và trọng hòa thuận; - Hạn chế (hay tò mò, rụt rè, thiên về tình cảm,...).
24. Ẩm thực của người Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm chung của ẩm thực Việt Nam, đặc điểm ẩm thực theo vùng, miền (Bắc, Trung, Nam). - Nêu lên được tầm quan trọng của ăn uống đối với sức khỏe của con người. - Trình bày được cách làm một số món ăn nổi tiếng của người Việt Nam và món ăn đặc sản của địa phương. - Suu tầm được một số câu tục ngữ, ca dao về ẩm thực. - Có thái độ trân trọng, giữ gìn và phát huy những món ăn truyền thống của địa phương. 	
25. Danh nhân Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tên và công lao đóng góp của một số danh nhân Việt Nam. - Tự hào về các danh nhân của Việt Nam. - Kể tên một số danh nhân ở địa phương. - Có ý thức tuyên truyền, giáo dục cho cộng đồng tôn trọng các danh nhân ở Việt Nam. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
Phần 4. Văn hóa Việt Nam		
26. Cộng đồng làng xã ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm, cấu trúc và vai trò của làng, xã ở Việt Nam. - Nêu lên được ý nghĩa và tác dụng của hương ước làng, xã (lệ làng được ghi bằng văn bản) và luật tục (lệ làng quy định bằng lời nói). - Phân tích được một số ưu điểm và hạn chế của cộng đồng làng, xã ở Việt Nam. - Nêu những hoạt động thực tế của cộng đồng làng, xã ở địa phương. - Có ý thức bảo tồn và phát huy những nét đẹp văn hóa của cộng đồng làng, xã. - Có ý thức khắc phục những hạn chế của cộng đồng làng, xã. 	<p>Nhấn mạnh 2 đặc điểm làng, xã Việt Nam: tính cộng đồng và tính tự trị cao.</p> <p>Đình làng: trung tâm hành chính; trung tâm tôn giáo; trung tâm văn hóa</p> <p>Điểm mạnh của làng, xã: đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, tính tập thể cao, dân chủ địa phương,...</p>
27. Lễ hội truyền thống ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Kể ra được một số lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam. - Nêu lên được ý nghĩa của lễ hội truyền thống ở Việt Nam. - Có thái độ tưởng nhớ, tỏ lòng tri ân công đức của các bậc hiền tài đối với dân tộc. - Có ý thức giữ gìn và bảo tồn các lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam. - Phê phán một số hạn chế trong việc tổ chức lễ hội (lợi dụng lễ hội để kinh doanh,...) 	<ul style="list-style-type: none"> - Lễ hội chung: tết Nguyên đán, tết Trung thu,... - Ở miền Bắc: lễ hội Chùa Hương, lễ hội Đền Hùng, lễ hội Chọi Trâu Đồ Sơn, lễ hội Đống Đa, hội đền Hai Bà Trưng,... - Ở miền Trung: hội đua voi ở Tây Nguyên, lễ hội Cầu Ngư Đà Nẵng, lễ Rước Mực đồng... - Ở miền Nam: lễ hội Xa Mắc, lễ hội Bà Chúa sứ, lễ hội Núi Bà Đen,...

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
28. Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số loại hình tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. - Nêu lên được đặc điểm tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam. - Nêu lên được chủ trương, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước. - Có ý thức tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. - Phản đối các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống đối Nhà nước, làm hại nhân dân. 	<p>Tín ngưỡng: tục thờ cúng tổ tiên, thờ Thành hoàng, thờ Phật, thờ các thần linh, thờ các anh hùng có công với nước, với dân,... đặc biệt thờ Mẫu (mẹ).</p> <p>Các loại tôn giáo chính: Phật giáo, Thiên Chúa giáo,...</p>
29. Truyện dân gian Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số thể loại truyện trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam. - Kể lại được một số truyện thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn và nêu được ý nghĩa của các câu truyện đó. - Suu tầm một số truyện dân gian của địa phương. - Có ý thức giữ gìn và bảo vệ truyện dân gian Việt Nam. 	
30. Tục ngữ, câu đố, ca dao, dân ca Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm tục ngữ, câu đố, ca dao, dân ca. - Suu tầm và nêu được ý nghĩa một số câu tục ngữ, câu đố, ca dao. - Liệt kê được một số làn điệu dân ca các vùng miền. - Có ý thức giữ gìn và phát huy giá trị nhân văn của tục ngữ, câu đố, ca dao, dân ca. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
31. Truyện Kiều	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được những nét chính về Nguyễn Du (tác giả truyện Kiều). - Kể tóm tắt nội dung và nêu ý nghĩa Truyện Kiều. - Đọc được một số câu thơ trong Truyện Kiều. - Có thái độ trân trọng đối với Truyện Kiều. 	
32. Văn hóa các vùng miền, các dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nét văn hóa đặc trưng của các vùng lãnh thổ trong cả nước. - Nêu lên được một số nét khác nhau giữa văn hóa của các vùng miền, các dân tộc. - Tự hào và có ý thức bảo vệ văn hóa của vùng lãnh thổ; và tôn trọng văn hóa đặc thù của các dân tộc khác. - Có ý thức và tuyên truyền mọi người trong gia đình, cộng đồng gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa vùng lãnh thổ và tôn trọng văn hóa các dân tộc khác. 	<p>Đồng bằng Bắc Bộ (Kinh Bắc, Sơn Nam, Xứ Đoài, Xứ Đông, Thăng Long - Hà Nội), Việt Bắc, Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ.</p>
33. Hội nhập quốc tế và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu. - Nêu lên được các cơ hội, và thách thức đối với phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong quá trình hội nhập. - Nêu được thực trạng việc duy trì bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức được sự cần thiết của hội nhập và giữ gìn bản sắc dân tộc. - Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc nền văn hóa của các nước khác. - Có thái độ phản đối với những cá nhân, tổ chức có hành vi không duy trì bản sắc văn hóa trong quá trình hội nhập. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình, cộng đồng có ý thức duy trì bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập. 	
Phần 5. Xã hội		
34. Xây dựng xã hội công bằng - dân chủ - văn minh	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những biểu hiện của xã hội công bằng - dân chủ - văn minh. - Nêu lên được chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng xã hội công bằng - dân chủ - văn minh. - Nêu được thực trạng và ý nghĩa của việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. - Nêu lên được một số quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. - Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với việc xây dựng xã hội công bằng - dân chủ - văn minh. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất được một số giải pháp, chương trình hành động cụ thể góp phần xây dựng xã hội công bằng - dân chủ - văn minh ở địa phương. - Tuyên truyền cho mọi người trong gia đình, cộng đồng về vai trò và trách nhiệm của người dân trong việc xây dựng xã hội công bằng - dân chủ - văn minh ở địa phương. 	
35. Xây dựng Xã hội học tập	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự cần thiết phải học tập thường xuyên, học tập suốt đời trong thời đại ngày nay. - Nêu lên được tầm quan trọng của việc xây dựng xã hội học tập và chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng xã hội học tập. - Nêu lên được những đặc điểm cơ bản của xã hội học tập. - Trình bày được thực trạng giáo dục cho mọi người, phân tích được các nguyên nhân và đề xuất được các giải pháp để mọi người được học tập thường xuyên, học tập suốt đời. - Trình bày được thực trạng xã hội hóa giáo dục, phân tích được các nguyên nhân và đề xuất được các giải pháp để xây dựng xã hội học tập ở địa phương. 	<p>Yêu cầu của thời đại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự phát triển nhanh chóng của khoa học - kỹ thuật, công nghệ, đặc biệt công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; - Sự bùng nổ thông tin; - Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập; - Công nghiệp hóa - hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức; - Kinh tế thị trường. - Sách báo, đài, ti vi, băng hình, đĩa, in-to-nét,... - Trung tâm học tập cộng đồng, nhà văn hóa xã, thư viện xã, điểm bưu điện - văn hóa xã,...

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được sự cần thiết phải có kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. - Liệt kê được các phương tiện hỗ trợ học tập trong xã hội hiện đại. - Nêu lên được các cơ sở văn hóa, giáo dục ở địa phương. - Có ý thức tuyên truyền cho mọi người trong gia đình, cộng đồng về sự cần thiết phải học tập thường xuyên, học tập suốt đời và có trách nhiệm tham gia xây dựng xã hội học tập. 	
36. Trung tâm học tập cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động chủ yếu của trung tâm học tập cộng đồng. - Trình bày được vai trò và tác dụng của trung tâm học tập cộng đồng đối với việc tạo cơ hội học tập thường xuyên, học tập suốt đời cho mọi người dân ở cộng đồng và đối với việc nâng cao dân trí và sự phát triển bền vững của cộng đồng. - Nêu những khó khăn và đề xuất một số giải pháp để người dân trong cộng đồng tham gia tích cực các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng. - Tích cực tham gia và động viên mọi người trong gia đình, cộng đồng tích cực tham gia, đóng góp xây dựng trung tâm học tập cộng đồng ở địa phương. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
37. Dân số và phát triển bền vững	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thực trạng dân số thế giới, và Việt Nam và ở địa phương. - Phân tích được nguyên nhân của “sự bùng nổ dân số”. - Trình bày được hậu quả của việc gia tăng dân số đối với sự phát triển bền vững của quốc gia và của địa phương. - Đề xuất được một số giải pháp hạn chế tỷ lệ tăng dân số. - Có ý thức và trách nhiệm thực hiện kế hoạch hóa gia đình. - Có thái độ phê phán đối với trường hợp sinh nhiều con. - Tuyên truyền cho mọi người trong gia đình, cộng đồng thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. 	
38. Nguyên nhân và hậu quả của đói nghèo	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thực trạng của đói nghèo và chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước và ở địa phương. - Xác định được nguyên nhân, hậu quả của đói nghèo và đề xuất được một số giải pháp, kiến nghị để xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. - Phân tích được vòng luẩn quẩn giữa đẻ nhiều - đói nghèo - mù chữ - thất học - bệnh tật,... - Nêu lên được ví dụ vượt qua đói nghèo ở địa phương. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Tự tin hơn vào bản thân, vào khả năng có thể vượt qua đói nghèo, không mặc cảm, tự ti, an phận. - Có ý thức giúp đỡ nhau phát triển kinh tế để giảm bớt đói nghèo. 	
39. Nguyên nhân và hậu quả của mù chữ	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được thực trạng mù chữ và chủ trương xóa mù chữ của Đảng và Nhà nước và ở địa phương. - Phân tích được nguyên nhân, hậu quả của tình trạng mù chữ hiện nay và đề xuất được các giải pháp để giảm tỷ lệ mù chữ. - Xác định được đối tượng mù chữ chủ yếu hiện nay và các giải pháp xóa mù chữ. - Trình bày được tác dụng của việc biết chữ. - Nêu lên được ví dụ về tác dụng của biết chữ ở địa phương. - Liệt kê được danh sách những người mù chữ hoặc có nguy cơ tái mù chữ ở địa phương và hoàn cảnh của từng người để có kế hoạch, biện pháp giúp đỡ phù hợp. - Tuyên truyền, động viên mọi người trong gia đình, cộng đồng giúp đỡ và tạo điều kiện cho những người mù chữ được tham gia học tập để biết chữ. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
40. Nguyên nhân và hậu quả của thất học ở trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thực trạng thất học (không được đi học hoặc phải bỏ học) của trẻ em ở Việt Nam hiện nay. - Nêu được các nguyên nhân và hậu quả của trẻ em không được đi học hoặc phải bỏ học. - Nêu một số ví dụ về việc khắc phục khó khăn cho trẻ em đi học và một số ví dụ về hậu quả của việc không cho con đi học hoặc bắt con phải bỏ học ở địa phương. - Nêu lên được một số quy định pháp luật về quyền được đi học của trẻ em. - Đề xuất một số giải pháp để khắc phục tình trạng bỏ học. - Xây dựng được kế hoạch cụ thể để giúp đỡ trẻ em có nguy cơ bỏ học và vận động trẻ em bỏ học quay trở lại trường ở địa phương. - Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho mọi người trong gia đình và cộng đồng về quyền được đi học của trẻ em. 	Một số quy định pháp luật về quyền được đi học của trẻ em (Công ước quốc tế về quyền trẻ em, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục phổ cập tiểu học, Luật Chăm sóc và bảo vệ trẻ em...).
41. Tệ nạn ma túy và lạm dụng các chất gây nghiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn ma túy và lạm dụng các chất gây nghiện ở Việt Nam và ở địa phương. - Nêu tên một số chất ma túy và các chất gây nghiện. 	Tệ nạn ma túy bao gồm cả nghiện ma túy và buôn bán ma túy.

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các dấu hiệu của người nghiện ma túy. - Nêu tác hại của ma túy và các chất gây nghiện. - Nêu ví dụ về trường hợp cai nghiện thành công ở địa phương hoặc qua sách, báo, đài, ti vi,... - Biết cách giúp đỡ người nghiện ma túy ở cộng đồng. - Nêu được một số quy định pháp luật về phòng, chống ma túy. - Có ý thức phòng tránh tệ nạn ma túy và lạm dụng các chất gây nghiện. - Tuyên truyền cho mọi người trong gia đình và cộng đồng về hậu quả của tệ nạn ma túy và lạm dụng các chất gây nghiện và Luật Phòng chống ma túy. 	
42. Tệ nạn mại dâm	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của tệ nạn mại dâm ở Việt Nam và ở địa phương. - Nêu lên được những câu chuyện về hậu quả của nạn mại dâm ở địa phương hoặc qua sách, báo, đài, ti vi,... - Nêu được một số quy định pháp luật về phòng chống tệ nạn mại dâm. - Có ý thức và tuyên truyền trong cộng đồng phòng, tránh tệ nạn mại dâm. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
43. Tệ nạn cờ bạc	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn cờ bạc. - Kể được những câu chuyện về hậu quả của tệ nạn cờ bạc ở địa phương. - Nêu được quy định pháp luật về phòng chống tệ nạn cờ bạc. - Có thái độ phê phán tệ nạn cờ bạc và tuyên truyền trong cộng đồng tham gia chống tệ nạn cờ bạc. 	
44. Tệ nạn buôn bán người	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của tệ nạn buôn bán người hiện nay. - Liệt kê được những đối tượng là nạn nhân của bọn buôn bán người. - Phân tích được các thủ đoạn của bọn buôn bán người. - Nêu lên được quy định pháp luật xử phạt các cá nhân, tổ chức tham gia buôn bán người. - Có ý thức và biết cách tự bảo vệ mình, và người thân tránh khỏi nạn buôn bán người. - Tuyên truyền cho mọi người trong gia đình, cộng đồng cảnh giác với tệ nạn buôn bán người. 	
45. An toàn giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của việc mất an toàn giao thông hiện nay. - Có ý thức chấp hành Luật Giao thông. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, phổ biến cho mọi người trong gia đình, trong cộng đồng về việc chấp hành Luật Giao thông. 	
46. Tình hình tội phạm trong xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các loại tội phạm thường gặp trong xã hội hiện nay. - Phân tích được nguyên nhân dẫn đến phạm tội. - Xác định các giải pháp, hành động cụ thể để giảm bớt và tiến tới xóa bỏ tình hình phạm tội ở địa phương. - Có ý thức trách nhiệm trong việc phòng, chống tội phạm. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình và cộng đồng tích cực tham gia phòng chống tội phạm trong xã hội. 	
Phần 6. Gia đình và Trẻ em		
47. Gia đình - Tế bào của xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò, chức năng của gia đình - tế bào của xã hội. - Trình bày những hiểu biết và nêu những ưu điểm, nhược điểm về gia đình nhiều thế hệ. - Nêu được ý nghĩa ngày Quốc tế về gia đình và ngày Gia đình Việt Nam 28/6. - Nêu lên được các chủ trương, chính sách và quy định pháp luật của Đảng và Nhà nước về bảo vệ hạnh phúc gia đình. - Có ý thức bảo vệ hạnh phúc gia đình. 	Chức năng cơ bản của gia đình: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh sản - Tái sản xuất; - Kinh tế, tổ chức đời sống gia đình; - Giáo dục; - Thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, tình cảm của thành viên trong gia đình; - Luật Hôn nhân gia đình, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng chống bạo lực gia đình.

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
48. Truyền thống gia đình Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được sự cần thiết phải xây dựng, giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình Việt Nam. - Liệt kê được nét văn hóa truyền thống gia đình Việt Nam. - Liên hệ thực trạng, nguyên nhân không quan tâm tới việc xây dựng, giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình ở địa phương. - Có ý thức xây dựng, giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình, cộng đồng quan tâm xây dựng, giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình. 	
49. Gia đình văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tiêu chuẩn, ý nghĩa của việc xây dựng gia đình văn hóa. - Nêu thực trạng việc xây dựng gia đình văn hóa ở địa phương. - Nêu một số ví dụ về gia đình văn hóa ở địa phương. - Có ý thức phấn đấu xây dựng gia đình văn hóa. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình và cộng đồng cùng nhau xây dựng “Gia đình văn hóa”. 	<p>Tiêu chuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ; - Đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao; - Đoàn kết, tương trợ trong cộng đồng làng (thôn, ấp, bản,...) tổ dân phố; - Thực hiện tốt trách nhiệm công dân.
50. Gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò và ý nghĩa của gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học - Nêu được tiêu chí của gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ được thực trạng xây dựng “Gia đình hiếu học”, “Dòng họ khuyến học” ở gia đình, dòng họ, hoặc ở địa phương. - Nêu một số ví dụ về gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học ở địa phương. - Có ý thức và kế hoạch xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình, trong cộng đồng xây dựng “Gia đình hiếu học”, “Dòng họ khuyến học”. 	
<p>51. Những thách thức đối với hạnh phúc gia đình hiện nay</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của gia đình không hạnh phúc và ly hôn hiện nay. - Nêu được các biểu hiện của một gia đình hạnh phúc. - Phân tích được những thách thức hiện nay đối với hạnh phúc gia đình. - Nêu các giải pháp bảo vệ hạnh phúc gia đình trước những thách thức mới của cuộc sống. - Nêu ví dụ về gia đình hạnh phúc và gia đình không hạnh phúc ở địa phương. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình và cộng đồng có ý thức bảo vệ hạnh phúc gia đình. 	<p>Nguyên nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đông con, nghèo đói, thất nghiệp. - Nam giới gia trưởng, trình độ văn hóa hạn chế,... - Phụ nữ tự ti, an phận, cam chịu, trình độ văn hóa hạn chế, không biết đối nhân, xử thế,...

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
52. Phân công lao động trong gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu thực trạng và nguyên nhân phân công lao động không hợp lý giữa các thành viên trong gia đình. - Nêu lên được sự cần thiết phải phân công lao động hợp lý trong gia đình. - Liệt kê được các công việc hàng ngày trong gia đình. - Biết cách phân công lao động phù hợp giữa các thành viên trong gia đình. - Có ý thức và tuyên truyền mọi người trong gia đình cùng chia sẻ công việc trong gia đình. 	
53. Xây dựng kế hoạch chi tiêu trong gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được sự cần thiết phải xây dựng kế hoạch chi tiêu trong gia đình. - Liệt kê được các vấn đề cần chi tiêu trong gia đình trong 1 tháng, trong 1 năm. - Nêu được sự hợp lý trong thu, chi hiện nay của gia đình. - Biết cách xây dựng kế hoạch chi tiêu phù hợp với nguồn thu của gia đình. 	
54. Các mối quan hệ trong gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các mối quan hệ trong gia đình. - Nêu được những bất hòa và những nguyên nhân gây nên sự bất hòa trong gia đình. - Nêu được một số biện pháp xây dựng gia đình hòa thuận. 	<p>Các mối quan hệ trong gia đình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan hệ cha mẹ - con cái; - Quan hệ ông bà và cháu; - Quan hệ mẹ chồng - nàng dâu.

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được ví dụ điển hình về việc cha mẹ có trách nhiệm với con cái, con cái có hiếu với cha mẹ, quan hệ mẹ chồng - nàng dâu tốt, các gia đình có nhiều thế hệ cùng chung sống hòa thuận,... ở địa phương. - Suu tầm một số câu ca dao, tục ngữ nói về các mối quan hệ trong gia đình. - Biết cách cùng chung sống và giải quyết những khác biệt giữa các thế hệ trong gia đình. 	
55. Giáo dục con cái trong gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các vấn đề về giáo dục con cái trong gia đình. - Nêu lên được thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của việc không giáo dục con cái trong gia đình. - Liệt kê được những kỹ năng sống cần thiết, những nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản,... cần giáo dục cho con cái. - Nêu lên được một số nguyên tắc cơ bản, phương pháp và hình thức giáo dục con cái trong gia đình. - Trình bày được sự cần thiết phải thống nhất cách dạy trẻ em giữa cha, mẹ, ông, bà, giữa gia đình, nhà trường và xã hội. - Nêu được một số nguyên nhân gia đình giáo dục con cái chưa được tốt. 	<p>Các vấn đề về giáo dục con cái trong gia đình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục đạo đức; - Giáo dục kỹ năng sống; - Giáo dục con cái lao động giúp gia đình; - Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho con cái. - v.v...

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được ví dụ về giáo dục kỹ năng sống cho con cái, giáo dục con cái lao động giúp đỡ gia đình, giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho con cái ở địa phương. - Có thái độ tôn trọng, yêu thương, hiểu tâm lý con cái và không có thái độ áp đặt trong giáo dục con cái. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình, cộng đồng về sự cần thiết phải giáo dục trẻ em tham gia lao động giúp đỡ gia đình; quan tâm giáo dục kỹ năng sống, giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho con cái. - Phê phán một số quan niệm sai lầm hiện nay về giáo dục con cái. 	
56. Giáo dục tiền học chữ cho trẻ tại gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được sự cần thiết phải giáo dục tiền học chữ cho trẻ em tại gia đình. - Trình bày được những nội dung, phương pháp giáo dục tiền học chữ cho trẻ em tại gia đình. - Bước đầu biết cách giáo dục tiền học chữ cho trẻ em. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình và cộng đồng quan tâm giáo dục tiền học chữ cho trẻ em. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
57. Hướng dẫn trẻ học tập ở nhà	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được sự cần thiết phải hướng dẫn trẻ em học tập ở nhà. - Liệt kê được những nội dung và trình bày được phương pháp hướng dẫn trẻ học tập ở nhà. - Bước đầu biết cách hướng dẫn trẻ em học tập ở nhà. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình và cộng đồng quan tâm đến việc học tập của trẻ em. 	
58. Các bài hát ru con	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được ý nghĩa của hát ru đối với sự phát triển tinh thần và tình cảm của trẻ em. - Liệt kê được một số bài hát ru của các vùng miền, các dân tộc. - Phân tích được thực trạng và nguyên nhân không thích ru con của các bà mẹ trẻ hiện nay. - Hát được một số bài hát ru truyền thống của địa phương và của dân tộc. - Tuyên truyền cho cộng đồng các bài hát ru truyền thống. 	
59. Các quyền cơ bản của trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các quyền cơ bản của trẻ em được quy định trong Công ước quốc tế về quyền trẻ em và trong Luật Bảo vệ chăm sóc trẻ em Việt Nam. - Phân tích được thực trạng việc thực hiện quyền trẻ em ở địa phương. - Xác định được nguyên nhân và hậu quả của việc vi phạm quyền trẻ em. 	<p>Các quyền cơ bản của trẻ em:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền được học hành; - Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng; - Quyền được vui chơi; - Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng thân thể, nhân phẩm và danh dự; - Quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được trách nhiệm của cha mẹ, gia đình và cộng đồng đối với việc thực hiện quyền trẻ em. - Nêu lên được quy định pháp luật xử phạt các hành vi vi phạm quyền trẻ em trong Công ước quốc tế về quyền trẻ em, Luật Bảo vệ chăm sóc trẻ em, Luật Phổ cập giáo dục tiểu học,... - Thực hiện tốt các quyền cơ bản của trẻ em trong gia đình. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình và cộng đồng về quyền của trẻ em và trách nhiệm của mọi người trong việc thực hiện các quyền đó. 	tham gia các hoạt động xã hội.
60. Lạm dụng và xâm hại tình dục trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được tính cấp bách và trầm trọng của thực trạng lạm dụng và xâm hại tình dục trẻ em hiện nay. - Phân tích được hậu quả của việc lạm dụng và xâm hại tình dục trẻ em. - Nêu được ví dụ về hậu quả của việc lạm dụng và xâm hại tình dục trẻ em ở địa phương. - Biết cách nhận biết dấu hiệu và giúp đỡ trẻ em bị lạm dụng, xâm hại tình dục. - Nêu lên được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và một số quy định pháp luật về phòng, chống lạm dụng và xâm hại tình dục trẻ em. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Phản đối, tố cáo và ngăn cản hành vi lạm dụng và xâm hại tình dục trẻ em. - Có ý thức cảnh giác và bảo vệ trẻ em tránh bị lạm dụng, xâm hại tình dục. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình, và cộng đồng có ý thức cảnh giác và bảo vệ trẻ em khỏi bị lạm dụng, xâm hại tình dục. 	
61. Lạm dụng lao động trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được sự khác nhau giữa giáo dục trẻ em lao động giúp đỡ gia đình với lạm dụng lao động trẻ em. - Phân tích được hậu quả của việc bắt trẻ em lao động sớm đối với phát triển thể chất và trí tuệ; liên hệ thực tế địa phương. - Nêu thực trạng, nguyên nhân lạm dụng lao động trẻ em. - Nêu lên được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và một số quy định pháp luật về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em. - Không bắt con phải bỏ học để kiếm sống hoặc động viên, tạo điều kiện cho con em được đi học trở lại. - Phản đối việc lạm dụng lao động trẻ em. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình và cộng đồng phản đối việc bắt trẻ em lao động sớm, bắt trẻ em phải bỏ học. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
62. Bạo lực đối với trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các hành vi bạo lực đối với trẻ em hiện nay (Bạo lực thể xác, bạo lực tinh thần). - Phân tích được thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của bạo lực đối với trẻ em hiện nay; Liên hệ thực tế địa phương. - Nêu lên được các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định pháp luật về phòng chống bạo lực đối với trẻ em. - Phản đối, tố cáo, ngăn cản các hành vi bạo lực đối với trẻ em. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình, trong cộng đồng về quyền bất khả xâm phạm đối với trẻ em, về Luật Bảo vệ và chăm sóc trẻ em, về Công ước quốc tế về quyền trẻ em,...và cùng nhau phòng, chống bạo lực đối với trẻ em. 	
Phần 7. Giới và phát triển		
63. Giới, bình đẳng giới và phát triển bền vững	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được sự khác nhau giữa giới và giới tính; giữa quan điểm giới và phát triển, phụ nữ trong phát triển. - Liệt kê và biết phê phán một số định kiến sai lầm về giới. - Nêu lên được vai trò của phụ nữ, của bình đẳng giới đối với phát triển bền vững của cộng đồng, quốc gia. 	Bình đẳng giới trong các lĩnh vực: <ul style="list-style-type: none"> - Chính trị; - Kinh tế; - Lao động; - Giáo dục; - Khoa học công nghệ; - Văn hóa - Thông tin - Thể dục thể thao; - Y tế; Gia đình; v.v...

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được thực trạng, nguyên nhân bất bình đẳng giới trong tất cả các lĩnh vực hiện nay. - Nêu lên được các nguyên tắc cơ bản và biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới. - Nhận biết được nội trợ và chăm sóc con cái không phải là thiên chức của phụ nữ và lãnh đạo không phải là đặc quyền của nam giới. - Nêu lên được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và một số quy định pháp luật về bình đẳng giới (Luật Hôn nhân gia đình, Luật Bình đẳng giới; Luật Lao động,...). - Nhận thức được trách nhiệm của UBND các cấp, của cộng đồng, của gia đình, của công dân trong việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới. - Tuyên truyền cho cộng đồng hiểu về giới và Luật Bình đẳng giới. 	
64. Vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội. - Nêu lên được phụ nữ có khả năng đảm nhiệm mọi công việc trong gia đình xã hội (làm lãnh đạo, đá bóng, kiếm tiền,...). - Nêu được một số ví dụ về người phụ nữ đảm việc nước, giỏi việc nhà và thành đạt ở địa phương. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng tới khả năng và định kiến về khả năng của phụ nữ. - Phê phán một số định kiến, quan niệm sai lầm về khả năng của phụ nữ. - Có thái độ tôn trọng, thông cảm và chia sẻ đối với công việc của phụ nữ trong gia đình. - Có niềm tin hơn vào khả năng của phụ nữ. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình và trong cộng đồng về giá trị công việc nội trợ của phụ nữ, tin tưởng vào khả năng của phụ nữ. 	
65. Truyền thống của phụ nữ Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được truyền thống của phụ nữ Việt Nam: - Nêu ví dụ một số gương phụ nữ giỏi việc nước, đảm việc nhà ở địa phương. - Tự hào về truyền thống của phụ nữ Việt Nam. - Phê phán một số phụ nữ không phát huy truyền thống của giới mình. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình, trong cộng đồng về truyền thống của phụ nữ Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Anh hùng - bất khuất - trung hậu - đảm đang, truyền thống giỏi việc nước, đảm việc nhà.
66. Công ước của Liên Hợp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các quyền cơ bản của phụ nữ trong Công ước CEDAW. - Nêu lên được ý nghĩa của Công ước CEDAW. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
phụ nữ (Công ước CEDAW)	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được thực trạng, nguyên nhân phân biệt đối xử đối với phụ nữ nói chung trên thế giới, ở Việt Nam và ở địa phương nói riêng. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình, trong cộng đồng về Công ước CEDAW và các quyền cơ bản phụ nữ. 	
67. Bạo lực gia đình đối với phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các hành vi được coi là bạo lực gia đình. - Phân biệt được các loại bạo lực gia đình đối với phụ nữ (bạo lực thể xác, bạo lực tình dục và bạo lực tinh thần). - Nêu được thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của bạo lực gia đình đối với phụ nữ. - Nêu được quy định của pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình. - Phản đối, tố cáo, ngăn chặn các hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ. - Tuyên truyền cho cộng đồng thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và giúp đỡ nạn nhân của bạo lực gia đình. 	
68. Nạn tảo hôn	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả nạn tảo hôn. - Đề xuất được một số giải pháp phòng tránh nạn tảo hôn. - Tuyên truyền cho mọi người trong gia đình, cộng đồng thực hiện tốt Luật Hôn nhân và gia đình. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
69. Công - Dung - Ngôn - Hạnh ngày nay	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được quan niệm về Công - Dung - Ngôn - Hạnh trước đây và ngày nay. - Trình bày được sự cần thiết phải duy trì Công - Dung - Ngôn - Hạnh trong thời đại ngày nay. - Phân tích được thực trạng Công - Dung - Ngôn - Hạnh của phụ nữ ngày nay. - Có ý thức tự hào, duy trì và phát huy 4 đức tính của phụ nữ. - Nêu một số ví dụ về người phụ nữ Công - Dung - Ngôn - Hạnh ở địa phương. - Có ý thức tuyên truyền cho cộng đồng duy trì 4 đức tính tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới. 	
Phân 8. Kỹ năng sống		
70. Kỹ năng sống trong thời đại ngày nay	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê và phân loại kỹ năng sống trong thời đại ngày nay. - Nêu được vai trò của kỹ năng sống. - Trình bày được hậu quả của việc thiếu kỹ năng sống. - Có ý thức tuyên truyền trong cộng đồng quan tâm tới việc học tập kỹ năng sống. 	<p>Các loại kỹ năng sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng nhận thức (kỹ năng thu thập, xử lý thông tin; kỹ năng tư duy phê phán; kỹ năng đặt mục tiêu; kỹ năng xác định giá trị; kỹ năng ra quyết định; kỹ năng giải quyết vấn đề,...); - Kỹ năng xã hội (kỹ năng giao tiếp; kỹ năng hợp tác; kỹ năng đàm phán, thương lượng; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, xung đột; kỹ năng tìm kiếm việc làm; kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ,...);

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
		- Kỹ năng cảm xúc (kỹ năng đương đầu với cảm xúc căng thẳng; kỹ năng kiên định, từ chối,...).
71. Kỹ năng thu thập, xử lý thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tầm quan trọng của việc thu thập, xử lý thông tin trong thời đại ngày nay. - Trình bày được hậu quả của việc không biết thu thập, xử lý thông tin. - Nêu được ví dụ thành công do biết thu thập và xử lý thông tin. - Biết thu thập, xử lý thông tin có hiệu quả phục vụ cho cuộc sống và công việc của bản thân. 	
72. Kỹ năng tư duy phê phán	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tầm quan trọng của tư duy phê phán trong thời đại ngày nay. - Phân biệt được tư duy phê phán với tư duy thụ động, một chiều. - Phân tích nguyên nhân, hậu quả của việc không biết tư duy phê phán. - Biết tư duy phê phán trước những thông tin khác nhau và các vấn đề khác nhau trong cuộc sống. - Xây dựng quan điểm đúng đắn trong tư duy phê phán. 	
73. Kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề và ý nghĩa của việc ra quyết định giải quyết vấn đề trong công việc và cuộc sống. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được hậu quả của việc không biết ra quyết định phù hợp, kịp thời. - Nêu được các bước ra quyết định và các bước để giải quyết vấn đề. - Vận dụng được kỹ năng ra quyết định trong các tình huống của cuộc sống. - Biết xác định và lựa chọn các giải pháp tối ưu khi ra quyết định và giải quyết các vấn đề. 	
74. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, hợp tác	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vai trò, ý nghĩa của kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và xu thế hợp tác trong thời đại ngày nay. - Phân tích được hậu quả của việc không biết giao tiếp, không biết thuyết trình, không biết hợp tác. - Nêu được ví dụ thành công do biết giao tiếp, biết thuyết trình, biết hợp tác. - Nêu được các yêu cầu trong việc thuyết trình trước đám đông. - Trình bày được những yếu tố tạo nên sự hợp tác có hiệu quả và những yếu tố hạn chế sự hợp tác có hiệu quả. - Vận dụng được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, hợp tác trong cuộc sống. - Có thái độ thiện chí, hợp tác với mọi người trong công việc và cuộc sống. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
75. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, xung đột và đàm phán, thương lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tầm quan trọng và ý nghĩa của việc biết giải quyết các mâu thuẫn, xung đột, biết đàm phán, thương lượng. - Nêu lên được các bước để giải quyết mâu thuẫn, xung đột. - Xác định được các phương án tối ưu khi giải quyết mâu thuẫn, xung đột giữa các bên. - Chỉ ra được những yếu tố giúp cho đàm phán, thương lượng có hiệu quả. - Vận dụng được kỹ năng đàm phán, thương lượng trong các mối quan hệ để giải quyết vấn đề một cách tích cực. - Biết thỏa hiệp khi cần thiết. - Có tinh thần cảm thông, chia sẻ với người xung quanh. 	
76. Kỹ năng kiên định, từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được sự cần thiết của kỹ năng kiên định, từ chối trong các tình huống của cuộc sống. - Chỉ ra được thế nào là kỹ năng kiên định, từ chối. - Biết cách thực hiện kỹ năng kiên định, từ chối trong những tình huống cần thiết. - Có thái độ làm chủ bản thân, kiên định, từ chối trước những cám dỗ của cuộc sống, nhưng không bảo thủ cứng nhắc. 	

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
77. Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được thế nào là sự hỗ trợ tốt. - Trình bày được lợi ích của việc tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ khi gặp khó khăn. - Biết các địa chỉ tin cậy có thể hỗ trợ, giúp đỡ khi gặp khó khăn. - Biết cách ứng xử phù hợp trong trường hợp gặp khó khăn khi tìm sự giúp đỡ. - coi trọng việc tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ khi gặp khó khăn. 	

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi

Chương trình giáo dục văn hóa - xã hội là chương trình chung cho toàn quốc. Vì vậy chương trình này chỉ đề cập tới những nội dung chung nhất, những nội dung tương đối ổn định mà mọi người dân trong cả nước cần phải biết. Dựa vào Chương trình này, các địa phương tự xây dựng nội dung riêng cho phù hợp với yêu cầu chung của quốc gia và phù hợp với nhu cầu của người học và vấn đề cụ thể của từng địa phương.

Chương trình này được thiết kế linh hoạt, mềm dẻo, không có cấu trúc chặt chẽ theo thời gian, theo thứ tự và theo cấp lớp. Các địa phương có thể lựa chọn bất kỳ chuyên đề nào trong chương trình tùy theo nhu cầu của người học và yêu cầu của từng địa phương, từng cộng đồng trong từng thời điểm cụ thể, không cần theo thứ tự.

Chương trình này không quy định thời lượng cụ thể cho toàn bộ chương trình, cho từng chuyên đề và cũng không quy định thời gian phải hoàn thành chương trình, không quy định số tiết/số buổi trong tuần, trong tháng hoặc trong năm. Chương trình dự kiến được thực hiện trong khoảng 450 tiết (150 buổi; mỗi buổi 3 tiết). Tùy theo nhu cầu, điều kiện và khả năng của từng địa phương, tùy theo vốn kinh nghiệm và hiểu biết đã có của người học, thời lượng của chương trình này có thể nhiều hoặc ít hơn và thời gian thực hiện Chương trình này có thể ngắn hoặc dài hơn.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức học các chuyên đề trong Chương trình giáo dục văn hóa - xã hội cần chú ý tới sự khác biệt của người lớn so với trẻ em và đặc điểm học tập của người lớn. Đồng thời phải quan tâm tới những khó khăn của người lớn khi tham gia học tập (bận sản xuất kiếm sống, gia đình, con cái, không có nhiều thời gian, khó tập trung chú ý, suy nghĩ trước các nội dung học tập).

Người lớn có lòng tự trọng và tính độc lập cao, dễ tự ái khi bị xúc phạm. Vì vậy, điều quan trọng nhất khi hướng dẫn người lớn học là cần phải tôn trọng họ với tư cách là người lớn, tôn trọng những kinh nghiệm, hiểu biết đã có của họ.

Người lớn đi học có mục đích rõ ràng, nhằm giải quyết những vấn đề trong đời sống, trong lao động sản xuất của bản thân và của cộng đồng để phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho bản thân, gia đình. Cho nên, nội dung học phải thiết thực, không thể áp đặt.

Người lớn luôn đòi chiếu, so sánh những điều học được với hiểu biết, kinh nghiệm đã có của mình, chỉ chấp nhận thay đổi khi họ tự nhận thấy được cái sai, cái chưa chính xác, chưa đầy đủ trong quan niệm, thói quen, phong tục, tập quán hiện tại. Vì vậy, khi hướng dẫn người lớn học phải chú ý tới vốn kinh nghiệm, hiểu biết đã có của họ, phải tạo điều kiện cho họ được tham gia, được phát biểu, được chia sẻ kinh nghiệm, hiểu biết đã có của mình. Qua đó, giáo viên, các học viên khác và bản thân người lớn mới có thể biết, có thể góp ý, bổ sung, điều chỉnh.

Khi hướng dẫn người lớn học cần chú ý liên hệ thực tế, người thực, việc thực ở địa phương, cần tạo điều kiện cho họ được thực hành càng nhiều càng tốt.

Tóm lại, khi hướng dẫn người lớn học các chuyên đề trong Chương trình giáo dục văn hóa - xã hội, cần phải quán triệt một số nguyên tắc sau: nguyên tắc tôn trọng người học với tư cách là người lớn, người có nhiều kinh nghiệm; nguyên tắc không áp đặt; nguyên tắc tham gia: người học được hoạt động, được tham gia, được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, được học tập lẫn nhau, được tự phát hiện vấn đề, tự giải quyết vấn đề, tự rút ra kết luận; nguyên tắc học gắn liền với hành, với thực tiễn, trực quan sinh động; nguyên tắc thiết thực, vận dụng ngay; nguyên tắc đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ.

Vai trò giáo viên/hướng dẫn viên khi hướng dẫn học các chuyên đề trong Chương trình giáo dục văn hóa - xã hội không phải chỉ là người cung cấp thông tin, mà chủ yếu là người tổ chức, người hướng dẫn, gợi ý, động viên.

Khi hướng dẫn các chuyên đề trong Chương trình giáo dục văn hóa - xã hội, khuyến khích sử dụng các hình thức và phương pháp dạy học cùng tham gia vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm sắm vai đóng kịch, nghiên cứu tình huống, trò chơi học

tập, cá nhân tự nghiên cứu và trình bày trước tập thể, tổ chức cuộc thi tìm hiểu về văn hóa - xã hội, hái hoa dân chủ, thi tiểu phẩm với các chủ đề văn hóa - xã hội,...

3. Phương tiện dạy học

Một số phương tiện thường được sử dụng khi thực hiện Chương trình giáo dục văn hóa - xã hội bao gồm:

- Phương tiện in ấn: tranh kỹ thuật, áp phích, bản đồ, sơ đồ, biểu đồ; truyện tranh; tư liệu ảnh; báo, bản tin, tạp chí, tờ gấp.

- Phương tiện nghe, nhìn: băng hình, đĩa hình, băng cat-set, các chương trình truyền thanh, truyền hình; các bộ sưu tập của học viên; các thí nghiệm.

4. Đánh giá kết quả học tập của học viên

Việc đánh giá kết quả học tập của học viên về các nội dung, chủ đề giáo dục văn hóa - xã hội nhằm động viên khuyến khích người học, giúp người học điều chỉnh cách học, bổ sung kiến thức nếu thấy cần thiết, nhằm giúp giáo viên, hướng dẫn viên thay đổi cách hướng dẫn hoặc bổ sung, hướng dẫn thêm nếu thấy cần thiết.

Đánh giá kết quả học tập của học viên người lớn không chỉ nhằm mục đích kiểm tra việc ghi nhớ kiến thức, mà chủ yếu nhằm đánh giá việc vận dụng kiến thức đã học vào trong cuộc sống của họ, việc thay đổi thái độ, hành vi của họ trong cuộc sống.

Kết quả học tập của học viên không chỉ do giáo viên/hướng dẫn viên đánh giá, mà chủ yếu khuyến khích người học tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

Đánh giá kết quả học tập của học viên có thể được thực hiện qua phiếu trắc nghiệm, qua bài thu hoạch hoặc qua kế hoạch hành động, qua kết quả thực tế vận dụng kiến thức đã học vào thực tế,...

5. Vận dụng chương trình theo vùng, miền, đối tượng học viên

Chương trình bao gồm những nội dung chung nhất mà mọi người dân trong cả nước cần phải biết, không phân biệt độ tuổi, trình độ, giới tính, dân tộc, thành phần kinh tế, địa bàn sinh sống nông thôn hay thành phố, đồng bằng hay miền núi. Trên cơ sở đó các địa phương tự xây dựng nội dung riêng cho địa phương mình phù hợp với yêu cầu chung của quốc gia và phù hợp với nhu cầu của người học và vấn đề cụ thể của từng địa phương./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Vinh Hiển

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA NGƯỜI HỌC, CẬP NHẬT KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2010/TT-BGDĐT
ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2010/TT-BGDĐT
ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục pháp luật là một trong những chương trình giáo dục thường xuyên, đáp ứng yêu cầu của người học nhằm giúp người học cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng sống cần thiết về chính trị, pháp luật nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình và góp phần phát triển cộng đồng bền vững.

1. Về kiến thức

- Giúp người học hiểu được tầm quan trọng của giáo dục chính trị, pháp luật đối với cuộc sống con người và đối với sự phát triển bền vững của quốc gia, cộng đồng.

- Cung cấp cho người học một số kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết thực về các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp và các quy định của pháp luật trong một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

- Giúp người học điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hiểu biết trước đây của mình về chính trị, pháp luật.

2. Về kỹ năng

- Trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để thực hiện, bảo vệ các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật và vận dụng các quy định pháp luật vào đời sống hàng ngày để giải quyết có hiệu quả các vấn đề thực tế.

- Góp phần hình thành thói quen và kỹ năng tự học, học thường xuyên, học suốt đời.

3. Về thái độ

- Góp phần hình thành ý thức tôn trọng pháp luật, tin tưởng vào pháp luật và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

- Giúp người học có thái độ phê phán đối với những hiện tượng, hành vi vi phạm pháp luật.

- Khuyến khích người học tham gia tuyên truyền vận động mọi người trong gia đình và cộng đồng cùng chấp hành pháp luật.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

Chương trình giáo dục pháp luật bao gồm 3 phần: Mỗi phần có những nội dung và mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
Phần 1. Một số vấn đề chung		
1. Pháp luật và đời sống	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được những dấu hiệu của pháp luật; nêu được những đặc trưng cơ bản của pháp luật. - Nêu được thực trạng thực hiện pháp luật hiện nay ở địa phương. - Phân biệt được những điểm khác biệt giữa pháp luật và phong tục tập quán, luật tục. - Nhận biết được vai trò của pháp luật đối với nhà nước, xã hội và công dân. - Biết được sự cần thiết phải sử dụng pháp luật để xử lý những vấn đề của bản thân, gia đình trong các mối quan hệ xã hội, cộng đồng theo đúng quy định của pháp luật. - Liệt kê được nguyên nhân cơ bản và hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật. - Phân biệt được hành vi đúng và chưa đúng theo quy định của pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ba đặc trưng cơ bản của pháp luật: Tính quy phạm phổ biến; tính quyền lực, bắt buộc chung và tính xác định, chặt chẽ về hình thức. - Vai trò của pháp luật trong đời sống: Pháp luật là phương tiện quản lý nhà nước; pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết tỏ thái độ không đồng tình và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật. - Đề ra một số biện pháp hạn chế và tiến tới xóa bỏ tình trạng vi phạm pháp luật ở địa phương. - Có ý thức thực hiện và vận động người thân cùng tuân thủ các quy định của pháp luật. 	
2. Bộ máy chính quyền cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được bộ máy nhà nước cấp cơ sở. - Phân biệt được sự khác nhau giữa nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. - Trình bày được mối liên hệ giữa công dân với Ủy ban nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn. - Thực hiện và vận động người thân thực hiện các chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của chính quyền địa phương. - Biết tự giác thực hiện và vận động người khác cùng giữ gìn an ninh, trật tự kỷ cương và an toàn xã hội ở địa phương. - Tôn trọng, ủng hộ, giúp đỡ cán bộ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn, trong công tác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ máy nhà nước cấp cơ sở bao gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. - Các quy định trong quản lý hành chính nhà nước ở địa phương như: đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn, hộ khẩu, hộ tịch,...
3. Hệ thống chính trị cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tên các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở. - Nhận biết được vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và các cơ quan thuộc hệ thống trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân. 	<p>Vai trò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, thực hiện xây dựng dân chủ cơ sở.

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết nội dung và phương thức hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở. - Liệt kê được nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở trong tập hợp quần chúng tham gia vào các hoạt động xây dựng và phát triển đất nước, thực hiện dân chủ cơ sở. - Có ý thức tham gia phong trào, hoạt động do tổ chức chính trị cơ sở phát động. 	
4. Chính sách đối với người có công, người cao tuổi, người tàn tật, khuyết tật	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa của chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người có công, người cao tuổi, người khuyết tật. - Kể tên được một số văn bản pháp lý quy định chính sách đối với người có công, người cao tuổi, người tàn tật, khuyết tật. - Liên hệ thực tế địa phương trong việc giải quyết chế độ chính sách cho người có công, người cao tuổi, người tàn tật, khuyết tật. - Biết được các quy định trong các văn bản pháp lý quy định chính sách đối với người có công, người cao tuổi, người tàn tật, khuyết tật. - Ủng hộ các chủ trương, chính sách của Nhà nước. - Có thái độ không đồng tình, tố giác những hành vi lợi dụng chính sách của Nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Những quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện để được công nhận và được hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi; các định mức trợ cấp ưu đãi từng đối tượng được hưởng.

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
5. Chính sách đối với người nghèo	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa của chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người nghèo. - Kể tên được một số văn bản pháp lý quy định chính sách đối với người nghèo. - Liên hệ thực tế địa phương trong việc giải quyết chế độ chính sách cho người nghèo. - Biết được các quy định cụ thể trong các văn bản pháp lý quy định chính sách đối với người nghèo. - Ủng hộ các chủ trương, chính sách của Nhà nước. - Có thái độ không đồng tình, tố giác những hành vi lợi dụng chính sách của Nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Những quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện để được công nhận và được hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi; và các định mức trợ cấp ưu đãi từng đối tượng được hưởng.
6. Hệ thống tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được trợ giúp pháp lý là gì và những đối tượng được trợ giúp pháp lý. - Nhận biết được cách tổ chức thực hiện, hình thức, lĩnh vực, phạm vi trợ giúp pháp lý. Nêu được quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý. - Biết thực hiện quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý (nếu thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý) theo đúng quy định của pháp luật. - Biết thủ tục tiến hành khi có yêu cầu trợ giúp pháp lý đúng quy định của pháp luật. - Có ý thức thực hiện theo đúng quyền hạn và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Những vấn đề cơ bản của trợ giúp pháp lý như: tổ chức thực hiện, lĩnh vực, phạm vi, hình thức và các thủ tục cần thiết khi yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
Phần 2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân		
7. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được Hiến pháp là luật cơ bản của Nhà nước. - Nêu được các nhóm quyền được quy định trong Hiến pháp năm 1992. - Nhận biết được những giá trị cơ bản của công ước quốc tế về quyền con người. - Biết phân loại các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp. - Hình thành ý thức công dân tôn trọng Hiến pháp, pháp luật. 	
8. Quyền bình đẳng trước pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thế nào là quyền bình đẳng trước pháp luật; bình đẳng về quyền và nghĩa vụ; bình đẳng về trách nhiệm pháp lý. - Nêu được những nội dung cơ bản về bình đẳng về quyền và nghĩa vụ và bình đẳng về trách nhiệm pháp lý của công dân. - Nhận biết trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. - Liên hệ thực tế địa phương về việc đảm bảo quyền bình đẳng trước pháp luật. - Thực hiện quyền bình đẳng trước pháp luật phù hợp với điều kiện của bản thân. - Có ý thức thực hiện và tôn trọng quyền bình đẳng trước pháp luật của những người xung quanh. - Không đồng tình và tỏ thái độ phê phán những hành vi vi phạm quyền bình đẳng trước pháp luật. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
9. Quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được những nội dung cơ bản của quyền tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội của công dân. - Nêu được quyền tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội của công dân bằng cách trực tiếp và gián tiếp; trách nhiệm của nhà nước và công dân trong việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội của công dân. - Liên hệ với thực tế địa phương về thực trạng thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội của công dân. - Biết cách thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội phù hợp với điều kiện của bản thân theo đúng quy định của pháp luật. - Tự giác, tích cực tham gia hoạt động xã hội trong cộng đồng. 	
10. Quyền bầu cử, ứng cử	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nội dung cơ bản của quyền bầu cử, ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân. - Biết được trách nhiệm của nhà nước và công dân trong việc thực hiện quyền bầu cử, ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân. - Liên hệ với thực tế địa phương về thực trạng đảm bảo quyền bầu cử, ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân. - Biết thực hiện quyền bầu cử, ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân của công dân theo đúng quy định của pháp luật. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Tự giác, tích cực tham gia và vận động người thân thực hiện quyền bầu cử, ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân theo đúng quy định của pháp luật. 	
11. Quyền khiếu nại, tố cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được nội dung cơ bản quyền khiếu nại, tố cáo của công dân. - Nêu được trách nhiệm của cơ quan nhà nước, của những người có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; nghĩa vụ của công dân khi việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo. - Phân biệt được sự khác nhau giữa quyền khiếu nại và quyền tố cáo. - Biết thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định của pháp luật. - Tôn trọng quyền khiếu nại, tố cáo của những người xung quanh và tỏ thái độ không đồng tình với những hành vi vi phạm quyền khiếu nại, tố cáo. 	
12. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được những biểu hiện của tín ngưỡng, tôn giáo. - Nêu được sự khác nhau giữa tín ngưỡng và tôn giáo một cách sơ bộ. - Nêu được một số nội dung cơ bản về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. - Liên hệ được thực trạng thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương. - Xác định được thế nào là thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đúng quy định của pháp luật. 	Điều 70 Hiến pháp 1992.

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác. - Không đồng tình với những hiện tượng lạm dụng tín ngưỡng, tôn giáo có hại cho đời sống cộng đồng. - Phê phán, đấu tranh với các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm trật tự an toàn xã hội. 	
13. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể; bất khả xâm phạm về chỗ ở; được bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nội dung quyền bất khả xâm phạm về thân thể, chỗ ở, được bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. - Liên hệ thực tế địa phương về thực hiện quyền bất khả xâm phạm thân thể, bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. - Nhận biết được các hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. - Biết cách bảo vệ quyền được bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. - Biết sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể, bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của bản thân và của những người xung quanh. - Tôn trọng quyền bất khả xâm phạm về thân thể, bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của người khác. 	Điều 71, 73 Hiến pháp 1992.

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tự bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể, bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của bản thân. - Đấu tranh, phê phán, tố cáo các hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được bảo đảm an toàn, bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. 	
14. Quyền được khai sinh, xác định dân tộc, quốc tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nội dung các quyền được khai sinh, xác định dân tộc, quyền đối với quốc tịch của công dân. - Nhận biết được ý nghĩa của quyền được khai sinh, xác định dân tộc và quyền đối với quốc tịch của công dân. - Nêu được căn cứ xác định người có quốc tịch Việt Nam và các giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam. - Biết được các quy định của pháp luật về thời hạn đi khai sinh và trách nhiệm khai sinh, thủ tục đăng ký khai sinh (các giấy tờ cần thiết khi đăng ký), thẩm quyền đăng ký khai sinh. - Biết cách xác định dân tộc của bản thân và các thành viên trong gia đình. Biết được giá trị pháp lý của Giấy Khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của mỗi cá nhân. - Tuyên truyền vận động các gia đình thực hiện đăng ký khai sinh cho con em đúng quy định của pháp luật. 	
15. Quyền sở hữu tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nội dung của quyền sở hữu, phân biệt được ba quyền năng của quyền sở hữu (quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt). 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được căn cứ xác lập quyền sở hữu. - Nhận biết được nguyên tắc cơ bản của quyền sở hữu, các hình thức sở hữu. - Biết được các quyền của người không phải chủ sở hữu đối với tài sản, phân biệt được phạm vi quyền của chủ sở hữu và quyền của người không phải chủ sở hữu đối với tài sản. - Biết vận dụng các quy định của pháp luật để bảo vệ quyền sở hữu. - Thực hiện đúng các nghĩa vụ của chủ sở hữu. - Tôn trọng quyền của các chủ thể khác liên quan đến quyền sở hữu. 	
16. Quyền thừa kế	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các hình thức thừa kế. - Phân biệt được thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật. - Nhận biết được các hình thức di chúc và thế nào là di chúc hợp pháp. - Chỉ ra được những người thuộc diện thừa kế không phụ thuộc vào di chúc. - Biết được các quyền của người để lại di sản; quyền và nghĩa vụ của người thừa kế. - Biết cách lập di chúc. - Tôn trọng quyền của người để lại di sản. 	
17. Quyền và nghĩa vụ lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thế nào là lao động; ý nghĩa quan trọng của lao động đối với con người và xã hội. - Nêu được nội dung quyền và nghĩa vụ lao động của công dân; trách nhiệm của Nhà nước trong việc thực hiện quyền lao động của công dân. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được quyền và nghĩa vụ của người lao động; nêu được quy định của pháp luật đối với lao động chưa thành niên. - Tôn trọng người lao động và sản phẩm lao động. - Tôn trọng quy định của pháp luật; ủng hộ những việc làm đúng, phản đối những việc làm trái với quyền và nghĩa vụ lao động của công dân. 	
18. Quyền tự do kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thế nào là kinh doanh và quyền tự do kinh doanh của công dân. - Nhận biết được vai trò của thuế đối với Nhà nước và xã hội. - Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc sử dụng quyền tự do kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế. - Thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế theo đúng yêu cầu của pháp luật. - Tôn trọng pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế; không đồng tình với những hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh và thuế. 	
19. Quyền học tập; Quyền nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng tạo nghệ thuật,...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được ý nghĩa của việc học tập; quyền học tập, quyền sáng tạo của công dân. - Nêu được nội dung quyền và nghĩa vụ học tập, quyền sáng tạo của công dân. - Phân biệt được những biểu hiện đúng hoặc không đúng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập, quyền sáng tạo của công dân. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ thực tế địa phương trong việc đảm bảo quyền và nghĩa vụ học tập của công dân, quyền sáng tạo của công dân. - Trình bày được trách nhiệm nhà nước và công dân trong việc đảm bảo quyền sáng tạo của công dân. - Biết thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của công dân theo đúng quy định của pháp luật. - Tuyên truyền, động viên người thân thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập, quyền sáng tạo của công dân. - Có ý thức học tập thường xuyên, học tập suốt đời. - Tôn trọng và tạo điều kiện thực hiện quyền học tập, quyền sáng tạo của người thân. 	
<p>20. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tầm quan trọng của chính sách quốc phòng và an ninh quốc gia của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. - Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ quốc phòng và an ninh quốc gia, xây dựng nền quốc phòng toàn dân. - Xác định được bảo vệ Tổ quốc là quyền và nghĩa vụ của công dân. - Nhận biết được các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia và các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ quốc phòng. - Thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của công dân về bảo vệ quốc phòng và an ninh quốc gia; đăng ký nghĩa vụ quân sự đúng độ tuổi, sẵn sàng nhập ngũ khi có lệnh. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện, cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia cho chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia. - Tự giác rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, rèn luyện sức khỏe sẵn sàng nhập ngũ khi Tổ quốc yêu cầu. - Tự giác tuân thủ và vận động gia đình, mọi người tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ quốc phòng, an ninh quốc gia. 	
21. Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, chấp hành những quy tắc sinh hoạt cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp. - Phân biệt được sự khác nhau giữa các quy định của pháp luật và quy tắc sinh hoạt của cộng đồng. - Nhận biết được các hành vi vi phạm pháp luật. - Thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân theo quy định của hiến pháp, pháp luật. - Chấp hành tốt các quy tắc sinh hoạt trong cộng đồng. - Tự giác tuân thủ các quy định của pháp luật; vận động gia đình và mọi người tuân thủ các quy định của pháp luật, chấp hành quy tắc sinh hoạt cộng đồng. 	<p>Thực hiện các quy định về vệ sinh phòng bệnh và vệ sinh công cộng (Điều 61)</p> <p>Trung thành với Tổ quốc, bảo vệ Tổ quốc (Điều 76, 77)</p> <p>Tôn trọng, bảo vệ tài sản nhà nước và lợi ích công cộng (Điều 78)</p> <p>Tuân theo Hiến pháp, pháp luật (Điều 79).</p>
22. Nghĩa vụ đóng thuế	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm thuế. - Nhận biết được vai trò của thuế đối với nhà nước và xã hội. - Kể tên được một số loại thuế và đối tượng nộp thuế. 	<p>Đóng thuế (Điều 80).</p>

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ với tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của nhân dân ở địa phương. - Phân biệt được sự khác nhau giữa các loại thuế. - Xác định được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. - Ủng hộ chính sách thuế của nhà nước. - Tham gia tuyên truyền, vận động gia đình và những người xung quanh thực hiện đúng quy định của pháp luật về thuế. - Không đồng tình, đấu tranh với các hành vi trốn thuế, gian lận về thuế. 	
<p>23. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được hành vi vi phạm hành chính và hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính. - Nêu được các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả. - Phân biệt được hành vi vi phạm hành chính với hành vi tội phạm. - Liên hệ tình trạng vi phạm hành chính ở địa phương. - Tự giác thực hiện pháp luật trong đời sống. - Vận động người thân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. - Tích cực đấu tranh phát hiện, tố cáo mọi hành vi vi phạm hành chính và hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
Phần 3. Pháp luật trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội		
24. Pháp luật thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được mục đích, vai trò của việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. - Nhận thức được thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn là cơ sở pháp lý để thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. - Liệt kê được những nội dung và hình thức công khai để dân biết; những nội dung dân bàn và quyết định trực tiếp và hình thức thực hiện; những nội dung dân bàn, biểu quyết và hình thức thực hiện; những nội dung dân tham gia ý kiến và hình thức thực hiện; những nội dung nhân dân giám sát và hình thức thực hiện. - Biết được trách nhiệm thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, mặt trận tổ quốc và các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác trong việc đảm bảo cho công dân thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. - Liên hệ được với thực tế địa phương về việc thực hiện pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn. - Biết cách thực hiện các quyền dân chủ của công dân ở xã, phường, thị trấn: quyền tham gia ý kiến; quyền tham gia bàn bạc và biểu quyết; quyền giám sát. - Tích cực học tập nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm công dân thực hiện tốt quyền làm chủ của người dân ở cơ sở. 	Ủy ban nhân dân, mặt trận tổ quốc, tổ trưởng tổ dân phố,...

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Phê phán, đấu tranh với các hành vi lợi dụng việc thực hiện dân chủ để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. 	
25. Pháp luật về đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu. Nêu được căn cứ xác lập quyền sử dụng đất và những bảo đảm của Nhà nước cho người sử dụng đất - Nhận biết được những hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng đất. - Nêu được các quy định pháp luật về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; những trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. - Biết thực hiện quy định của pháp luật về nguyên tắc chuyển quyền sử dụng đất và hình thức chuyển quyền sử dụng đất. - Biết thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất. - Tôn trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai. - Đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
26. Pháp luật về lao động và việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thế nào là việc làm. - Biết được các quyền của công dân trong việc lựa chọn việc làm và nơi làm việc. - Nêu được nguyên tắc xác lập quan hệ lao động, biết cách giao kết hợp đồng lao động và nội dung cơ bản của hợp đồng lao động. - Biết xác định được loại hợp đồng lao động thích hợp khi tham gia quan hệ lao động. - Biết được các quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động. - Biết đấu tranh bảo vệ quyền của người lao động khi bị xâm hại. - Tôn trọng và thực hiện đúng các nghĩa vụ của người lao động. 	Mọi hoạt động tạo ra nguồn thu nhập, không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận là việc làm.
27. Pháp luật về an toàn giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về an toàn giao thông nói chung. - Phân tích được cái lợi của việc chấp hành các quy định pháp luật an toàn giao thông và tác hại của việc không chấp hành. - Trình bày được quy tắc chung khi tham gia giao thông đường bộ và hệ thống báo hiệu đường bộ. - Nhận biết được các hành vi làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông bị nghiêm cấm. - Biết thực hiện đúng các quy định của pháp luật đối với người tham gia giao thông. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật khi tham gia giao thông. - Tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt. - Vận động gia đình và người thực hiện đúng các quy định của pháp luật khi tham gia giao thông. 	
<p>28. Pháp luật về phòng chống ma túy, mại dâm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được tác hại nhiều mặt của tệ nạn ma túy, mại dâm đối với cá nhân, gia đình và cộng đồng. - Nhận biết được nguy cơ của bệnh dịch HIV/AIDS đối với người mại dâm, người nghiện ma túy. - Xác định được trách nhiệm của gia đình và cá nhân trong phòng, chống mại dâm, ma túy. - Nêu được chính sách của Nhà nước về cai nghiện ma túy. - Nhận biết được các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy, mại dâm. - Biết cách phòng, chống mại dâm, ma túy. - Tự giác tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy, mại dâm. - Tham gia tuyên truyền, giáo dục các thành viên trong gia đình về lối sống lành mạnh, hòa thuận, sống chung thủy, phòng, chống ma túy, mại dâm; kết hợp với phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện, tố giác, đấu tranh với tệ nạn mại dâm. - Vận động người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng hoặc tại cơ sở cai nghiện. 	
29. Pháp luật về phòng chống HIV/AIDS	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các chính sách của nhà nước về phòng, chống HIV/AIDS, nguyên tắc phòng, chống HIV/AIDS. - Trình bày được nguyên nhân nhiễm HIV. - Nhận biết được những hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống HIV/AIDS. - Biết được quyền và nghĩa vụ của người nhiễm HIV. - Biết cách phòng, chống HIV/AIDS tại gia đình, nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư. - Không kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV và thành viên gia đình họ. - Tạo điều kiện để người nhiễm HIV và thành viên gia đình họ tham gia các hoạt động xã hội, đặc biệt là các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS. - Tích cực tuyên truyền, giáo dục, truyền thông cho mọi người ở gia đình và cộng đồng về phòng, chống HIV/AIDS nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ và hành vi, chống kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
30. Pháp luật về bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được vai trò và tầm quan trọng của môi trường đối với đời sống của con người và đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. - Chỉ ra được sự cần thiết thực hiện chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường trong phát triển bền vững đất nước. - Xác định được trách nhiệm bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. - Biết được các quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Phân biệt được các hành vi thực hiện đúng và các hành vi vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Hình thành nếp sống giữ gìn vệ sinh môi trường, xóa bỏ thói quen gây hại đến môi trường. - Biết đấu tranh với các hành vi xâm hại đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên. - Có ý thức bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. - Tích cực vận động mọi người cùng tham gia xây dựng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, cơ quan, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thân thiện với môi trường. 	
31. Pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thế nào là di sản văn hóa, phân biệt được di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể; nêu được mục đích sử dụng di sản văn hóa. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được ý nghĩa việc bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hóa. - Biết được chính sách của Nhà nước bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. - Nêu được các hành vi pháp luật nghiêm cấm để bảo vệ di sản văn hóa. - Biết được quyền, nghĩa vụ của cá nhân và của chủ sở hữu di sản đối với di sản văn hóa. - Biết đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa. 	
32. Pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được tác hại của thực phẩm nhiễm bẩn đối với con người. - Nhận biết được nguyên nhân thực phẩm nhiễm bẩn. - Nêu được các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. - Biết được danh mục thực phẩm có nguy cơ cao. - Biết được các quy định của pháp luật về sản xuất kinh doanh thực phẩm tươi sống. - Biết thực hiện quyền và trách nhiệm của người tiêu dùng. - Biết tự bảo vệ bản thân và gia đình về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Biết phát hiện và đấu tranh với các hành vi gây mất vệ sinh, an toàn thực phẩm. - Tham gia tuyên truyền, cung cấp thông tin, kiến thức và hướng dẫn cha mẹ và người thân thực hiện đúng các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
33. Pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các quyền cơ bản và bổn phận của trẻ em. - Nhận biết được các hành vi vi phạm quyền trẻ em và các hình thức xử lý hành vi vi phạm. - Nhận biết được trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và biết được các quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. - Liên hệ được với thực tế địa phương trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quyền của trẻ em. - Thực hiện được trách nhiệm của cha mẹ, người giám hộ trong việc đảm bảo quyền cơ bản của trẻ em. Không phân biệt đối xử với trẻ em. - Tôn trọng và thực hiện các quyền của trẻ em. - Tham gia tuyên truyền, giáo dục, cung cấp thông tin, kiến thức và hướng dẫn cha mẹ, người giám hộ, các thành viên gia đình, người tham gia chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. 	
34. Pháp luật về hôn nhân và gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình. - Nêu được các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và những trường hợp cấm kết hôn. - Nêu được các quy định về thẩm quyền đăng ký kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn (các giấy tờ cần thiết có liên quan khi đăng ký kết hôn). - Phân biệt được hôn nhân hợp pháp và hôn nhân bất hợp pháp. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các quyền, nghĩa vụ của vợ và chồng về nhân thân và về tài sản. Thực hiện được nghĩa vụ và trách nhiệm của cha, mẹ đối với con cái. - Tôn trọng pháp luật hôn nhân và gia đình, có ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc. 	
35. Pháp luật về dân số, kế hoạch hóa gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được sự cần thiết, ý nghĩa việc thực hiện chính sách dân số. - Nêu lên được mục tiêu, biện pháp chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình. - Chỉ ra được các hành vi bị nghiêm cấm trong chính sách dân số của Nhà nước. - Xác định được trách nhiệm của cá nhân, các thành viên gia đình trong việc thực hiện chính sách dân số. - Biết thực hiện kế hoạch hóa gia đình, thực hiện đúng chính sách dân số của Nhà nước. - Xác định và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện pháp luật về dân số và kế hoạch hóa gia đình. - Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về dân số. - Tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ các thành viên trong gia đình thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. - Tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về dân số và kế hoạch hóa gia đình trong cộng đồng. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
36. Pháp luật về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được mục tiêu của việc thực hiện bình đẳng giới. - Nhận biết được nội dung cơ bản của bình đẳng giới. - Nhận biết được các hành vi bạo lực gia đình; phân tích được thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của bạo lực gia đình ở địa phương. - Nêu được quyền và nghĩa vụ của nạn nhân bạo lực gia đình. - Chỉ ra được các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình và trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. - Thực hiện bình đẳng giới trong gia đình và trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. - Thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong phòng, chống bạo lực gia đình. - Biết phê phán, ngăn chặn các hành vi phân biệt đối xử về giới; biết phải làm gì, đến đâu khi là nạn nhân và biết hướng dẫn, giúp đỡ người là nạn nhân của bạo lực gia đình. - Tích cực học tập nâng cao hiểu biết, nhận thức về giới và bình đẳng giới. - Tham gia tuyên truyền mọi người thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới ở cộng đồng. Tham gia thông tin, tuyên truyền trong gia đình và cộng đồng về phòng, chống bạo lực gia đình nhằm thay đổi nhận thức, hành vi về bạo lực gia đình. 	
37. Pháp luật về phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thực trạng tình hình buôn bán phụ nữ và trẻ em. - Phân tích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em. - Nêu được các quy định của pháp luật về phòng, chống buôn bán phụ nữ và trẻ em. 	

Chuyên đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được thủ đoạn lừa gạt, dụ dỗ, mua chuộc của những kẻ buôn bán phụ nữ, trẻ em. - Biết phải làm gì, đến đâu khi là nạn nhân và biết hướng dẫn, giúp đỡ người là nạn nhân của hành vi buôn bán phụ nữ và trẻ em. - Biết thực hiện trách nhiệm công dân trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em và phòng, chống tội phạm. - Tham gia tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em. - Tham gia hỗ trợ giáo dục, tạo việc làm, tái hòa nhập cộng đồng cho phụ nữ và trẻ em bị buôn bán, động viên, giúp đỡ nạn nhân sống hòa nhập cộng đồng. 	

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi

Chương trình giáo dục pháp luật là chương trình chung cho toàn quốc. Vì vậy Chương trình này chỉ đề cập tới những nội dung chung nhất, những nội dung tương đối ổn định mà mọi người dân trong cả nước cần phải biết. Dựa vào Chương trình này, các địa phương tự xây dựng nội dung riêng cho phù hợp với yêu cầu chung của quốc gia và phù hợp với nhu cầu của người học và vấn đề cụ thể của từng địa phương.

Chương trình này được thiết kế linh hoạt, mềm dẻo, không có cấu trúc chặt chẽ theo thời gian, theo thứ tự và theo cấp lớp. Các địa phương có thể lựa chọn bất kỳ chuyên đề nào trong chương trình tùy theo nhu cầu của người học và yêu cầu của từng địa phương, từng cộng đồng trong từng thời điểm cụ thể, không cần theo thứ tự.

Chương trình này không quy định thời lượng cụ thể cho toàn bộ chương trình, cho từng chuyên đề và cũng không quy định thời gian phải hoàn thành chương trình, không quy định số tiết/số buổi trong tuần, trong tháng hoặc trong năm. Chương trình dự kiến được thực hiện trong 150 tiết (50 buổi; mỗi buổi 3 tiết). Tùy theo nhu cầu,

điều kiện và khả năng của từng địa phương, tùy theo vốn kinh nghiệm và hiểu biết đã có của người học, thời lượng của Chương trình này có thể nhiều hoặc ít hơn và thời gian thực hiện Chương trình này có thể ngắn hoặc dài hơn.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức học các chuyên đề trong Chương trình giáo dục pháp luật cần chú ý tới sự khác biệt của người lớn so với trẻ em và đặc điểm học tập của người lớn. Đồng thời phải quan tâm tới những khó khăn của người lớn khi tham gia học tập (bận sản xuất kiếm sống, gia đình, con cái, không có nhiều thời gian, khó tập trung chú ý, suy nghĩ trước các nội dung học tập).

Người lớn có lòng tự trọng và tính độc lập cao, dễ tự ái khi bị xúc phạm, vì vậy, điều quan trọng nhất khi hướng dẫn người lớn học là cần phải tôn trọng họ với tư cách là người lớn, tôn trọng những kinh nghiệm, hiểu biết đã có của họ; người lớn đi học có mục đích rõ ràng, nhằm giải quyết những vấn đề trong đời sống, trong lao động sản xuất của bản thân và của cộng đồng để phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho bản thân, gia đình. Cho nên, nội dung học phải thiết thực, không thể áp đặt; người lớn luôn đối chiếu, so sánh những điều học được với hiểu biết, kinh nghiệm đã có của mình, chỉ chấp nhận thay đổi khi họ tự nhận thấy được cái sai, cái chưa chính xác, chưa đầy đủ trong quan niệm, thói quen, phong tục, tập quán hiện tại. Vì vậy, khi hướng dẫn người lớn học phải chú ý tới vốn kinh nghiệm, hiểu biết đã có của họ, phải tạo điều kiện cho họ được tham gia, được phát biểu, được chia sẻ kinh nghiệm, hiểu biết đã có của mình. Qua đó, giáo viên, các học viên khác và bản thân người lớn mới có thể biết, có thể góp ý, bổ sung, điều chỉnh.

Khi hướng dẫn người lớn học cần chú ý liên hệ thực tế, người thực, việc thực ở địa phương, cần tạo điều kiện cho họ được thực hành càng nhiều càng tốt.

Tóm lại, khi hướng dẫn người lớn học các chuyên đề giáo dục pháp luật, cần phải quán triệt một số nguyên tắc sau: nguyên tắc tôn trọng người học với tư cách là người lớn, người có nhiều kinh nghiệm; nguyên tắc không áp đặt; nguyên tắc tham gia: người học được hoạt động, được tham gia, được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, được học tập lẫn nhau, được tự phát hiện vấn đề, tự giải quyết vấn đề, tự rút ra kết luận; nguyên tắc học gắn liền với hành, với thực tiễn, trực quan sinh động; nguyên tắc thiết thực, vận dụng ngay; nguyên tắc đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ.

Vai trò giáo viên/hướng dẫn viên khi hướng dẫn học các chuyên đề trong Chương trình giáo dục pháp luật không phải chỉ là người cung cấp thông tin, mà chủ yếu là người tổ chức, người hướng dẫn, gợi ý, động viên; Khi hướng dẫn các chuyên đề trong Chương trình giáo dục pháp luật, khuyến khích sử dụng các hình thức và phương pháp dạy học cùng tham gia vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, sắm vai,

đóng kịch, nghiên cứu tình huống, trò chơi học tập, cá nhân tự nghiên cứu và trình bày trước tập thể, tổ chức cuộc thi tìm hiểu về pháp luật, hái hoa dân chủ, thi tiểu phẩm với các chủ đề pháp luật,...

3. Phương tiện dạy học

Một số phương tiện thường được sử dụng khi thực hiện Chương trình giáo dục pháp luật bao gồm:

- Phương tiện in ấn: Tranh, ảnh tư liệu, áp phích; tờ rơi, sách mỏng, bài báo, bản tin, tạp chí,...

- Phương tiện nghe, nhìn: băng hình, đĩa hình, băng cat set, các chương trình truyền thanh, truyền hình,...

4. Đánh giá kết quả học tập của học viên

Việc đánh giá kết quả học tập của học viên về các chuyên đề trong Chương trình giáo dục pháp luật nhằm động viên khuyến khích người học, giúp người học điều chỉnh cách học, bổ sung kiến thức nếu thấy cần thiết, nhằm giúp giáo viên/hướng dẫn viên thay đổi cách hướng dẫn hoặc bổ sung, hướng dẫn thêm nếu thấy cần thiết.

Đánh giá kết quả học tập của học viên người lớn không chỉ nhằm mục đích kiểm tra việc ghi nhớ kiến thức, mà chủ yếu nhằm đánh giá việc vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật trong cuộc sống của họ, việc thay đổi thái độ, hành vi của họ trong thực hiện các quy định của pháp luật.

Kết quả học tập của học viên không chỉ do giáo viên/hướng dẫn viên đánh giá, mà chủ yếu khuyến khích người học tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Đánh giá kết quả học tập của học viên có thể được thực hiện qua phiếu trắc nghiệm, qua bài thu hoạch hoặc qua kế hoạch hành động, qua kết quả thực tế vận dụng kiến thức đã học vào thực tế,...

5. Vận dụng chương trình theo vùng, miền và đối tượng học viên

Do tính độc lập của các chuyên đề nên trong quá trình thực hiện chương trình giáo viên/hướng dẫn viên có thể thay đổi trật tự các chuyên đề hoặc không học các chuyên đề không thích hợp, tập trung thời gian vào các chuyên đề phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương. Tùy thuộc vào nhu cầu, điều kiện và kinh nghiệm, hiểu biết đã có của từng nhóm đối tượng mà giáo viên/hướng dẫn viên lựa chọn nội dung, các vấn đề cụ thể và bố trí thời lượng phù hợp nhằm đạt được mục tiêu của chương trình./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Vinh Hiển